

Bản án số: 42/2022/HS-ST  
Ngày 28 - 9 - 2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Nhân.  
Ông Huỳnh Đức Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Thơ là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tuyết Hằng và ông Phạm Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ **Đinh Công H**, sinh ngày 06/9/1982 tại tỉnh T.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thôn P, xã A, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Công R, sinh năm 1957 và bà Phùng Thị M, sinh năm 1955 (chết); vợ: Đinh Thị T, sinh năm 1987; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng đặt tiền để bảo đảm cho đến nay. (có mặt)

2/ **Vũ Ngọc P**, sinh ngày 20/10/1975 tại tỉnh D.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện K, tỉnh D; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Vũ Bá I, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1945; vợ: Ngô Thị G, sinh năm 1982; con: 01 người, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng đặt tiền để bảo đảm cho đến nay. (có mặt)

3/ **Lương Văn D**, sinh ngày 07/7/1988 tại tỉnh T.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh T; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Xuân L, sinh năm 1950 (chết) và bà Lê Thị Y, sinh năm 1949; vợ: Lại Thị I, sinh năm 1990; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng đặt tiền để bảo đảm cho đến nay. (có mặt)

4/ **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 20/11/1974 tại tỉnh Bình Định.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá N (chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1932, hiện không rõ ở đâu; vợ: Trần Thị H, sinh năm 1972; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày 14/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng đặt tiền để bảo đảm cho đến nay. (có mặt)

5/ **Nguyễn Tuấn V**, sinh ngày 04/12/1990 tại tỉnh T.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thôn G, xã Q, huyện R, tỉnh T; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; vợ: Lò Thị L, sinh năm 1995; con: 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng đặt tiền để bảo đảm cho đến nay. (có mặt)

6/ **Nguyễn Ngọc N**, sinh ngày 13/01/1982 tại tỉnh T.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thôn M, xã H, huyện U, tỉnh T; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1983; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng đặt tiền để bảo đảm cho đến nay. (có mặt)

7/ **Nguyễn Đình T**, sinh ngày 07/02/1977 tại tỉnh T.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thôn M, xã V, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957; vợ: Vũ Thị N, sinh năm 1983; con: 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng đặt tiền để bảo đảm cho đến nay. (có mặt)

*\* Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện Q, tỉnh T. (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: xóm S, xã U, huyện H, tỉnh T. (vắng mặt)

3/ Ông Vũ Anh D, sinh năm 1995. Nơi cư trú: xóm V, xã K, huyện S, tỉnh N. (vắng mặt)

4/ Ông Trần Thanh H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: khu N, xã T, huyện D, tỉnh P. (vắng mặt)

5/ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện R, tỉnh H. (vắng mặt)

6/ Ông Trần Hữu G, sinh năm 1979. Nơi cư trú: thôn P, xã S, huyện H, tỉnh T. (vắng mặt)

7/ Ông Bùi Duy C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: thôn Q, xã O, huyện D, tỉnh H. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 00 giờ 10 phút ngày 23/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm phối hợp Công an các xã S, B, H và thị trấn G phát hiện và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang các đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, tại chòi lá trong bãi đỗ xe của ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1966 ở ấp L, xã S, huyện G, tỉnh B, gồm: Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn V, Vũ Anh G, Trần Thanh I, Nguyễn Văn A và Bùi Duy N cùng nhiều đối tượng khác.

Đồ vật, tài sản tạm giữ gồm:

- Tạm giữ tại chiếu bạc:

+ Số tiền 25.700.000 (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng.

+ 01 manh chiếu; 01 chén bằng sành; 01 đĩa bằng sành; 04 quân vị hình tròn (mỗi quân vị được cắt từ lá bài nước cơ màu đỏ trong bộ bài tây 52 lá, mỗi quân vị có hai mặt là mặt trắng và mặt đen; mặt trắng có một nước cơ màu đỏ hình trái tim).

- Tạm giữ của Đinh Công H: 340.000 (ba trăm bốn mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen có gắn sim số 0963.567.488 và 0815.427.550; 01 xe mô tô biển kiểm soát 62H4-0570, nhãn hiệu MAIESTY, màu sơn xanh.

- Tạm giữ của Nguyễn Ngọc N: số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu vàng, có gắn sim số 0983.016.044; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, có gắn sim số 0968.419.788.

- Tạm giữ của Lương Văn D: số tiền 15.480.000 (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có

gắn sim số 0968.212359; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, có gắn sim số 0963.716.268; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

- Tạm giữ của Nguyễn Tuấn V: số tiền 580.000 (năm trăm tám mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0971.463.338.

- Tạm giữ của Nguyễn Đình T: số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0913.133.387.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn N: số tiền 7.850.000 (bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xanh, có gắn sim số 0986.981.175; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu vàng, không có sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen, có gắn sim số 0376.781.217 và 0972.347.421; 02 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 61S2-7963 nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đen.

- Tạm giữ của Vũ Ngọc P: số tiền 1.670.000 (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0963.401.856 và 0398.731.263.

- Tạm giữ của Trần Hữu G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, có gắn sim số 0979.098.242.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn U: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, có gắn sim số 0936.821.623.

- Tạm giữ của Trần Thanh I: số tiền 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng.

- Tạm giữ của Vũ Anh G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0986.816.082.

- Tạm giữ của Bùi Duy N: 1.000.000 (một triệu) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0363.144.755.

- Tạm giữ của Đào Duy K: số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0981.512.444; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng.

- Tạm giữ của Nguyễn Hữu N: số tiền 4.600.000 (bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, có gắn sim số 0865.213.511.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có gắn sim số 0948.892.299.

- Tạm giữ tại bãi đỗ xe của ông Huỳnh Thanh H (gần chiếu bạc): 01 xe mô tô biển kiểm soát 30F5-5302, kiểu Wave, màu sơn trắng; 01 cái kéo bằng kim loại, cán màu vàng.

Hiện trường vụ án xảy ra tại chòi mái lá trong bãi đỗ xe của ông Huỳnh Thanh H ở ấp H, xã S, huyện G, tỉnh B. Bãi đỗ xe có lối vào quay về hướng Quốc lộ 57C, cách Quốc lộ 57C về hướng Đông là 8,7m. Hướng Bắc của bãi đỗ xe là khu vực ăn uống, nghỉ ngơi của tài xế; khu vực này dài 26,9m, rộng 3,8m, được chia làm 07 gian. Vị trí các đối tượng đánh bạc là tại khu vực gian thứ hai và gian thứ ba của khu vực ăn uống, nghỉ ngơi; mỗi gian có mắc một cái võng bằng vải đặt ở hướng Bắc.

Quá trình điều tra, xác định như sau:

Đinh Công Hưng là tài xế lái thuê xe Container tuyến Bắc-Nam, đến tỉnh Bến Tre để chở dừa về giao lại cho các tỉnh miền Bắc. Ngày 19/02/2022, H đỗ xe và nghỉ ngơi tại bãi đỗ xe của ông Huỳnh Thanh H để chờ chuyển hàng trở về miền Bắc. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/02/2022, H đến khu vực ăn uống, nghỉ ngơi của bãi đỗ xe, H rủ nhóm tài xế cũng đang nghỉ ngơi tại đây cùng chơi xóc đĩa ăn thua bằng tiền, do H đứng ra làm cái. H dùng 01 cái chén bằng sành, 01 cái đĩa bằng sành để xóc 04 (bốn) quân vị. Bốn quân vị có đặc điểm giống nhau, được cắt thành hình tròn từ lá bài cơ màu đỏ ♥ (loại bài tây 52 lá), đường kính 02cm; mỗi quân vị có 02 mặt, mặt có hình nước cơ màu đỏ (♥) gọi là mặt trước (còn gọi là mặt trắng), mặt còn lại là mặt sau (còn gọi là mặt đen). Khi làm cái, H bỏ 04 quân vị vào đĩa, úp chén lại rồi xóc quân vị. Nếu kết quả xóc quân vị ra 02 con mặt trắng và 02 con mặt đen hoặc 04 con đều mặt trắng hoặc 04 con đều mặt đen là chắn, người đặt chắn sẽ thắng số tiền đã đặt cược, người đặt lẻ sẽ thua số tiền đã đặt cược, người làm cái thắng tiền những người đặt cược bên lẻ và thua tiền những người đặt tiền bên chắn. Nếu kết quả xóc quân vị ra 03 con mặt trắng và 01 con mặt đen hoặc 01 con mặt trắng và 03 con mặt đen là lẻ, người đặt lẻ sẽ thắng số tiền đã đặt cược, người đặt chắn sẽ thua số tiền đã đặt cược, người làm cái thắng tiền những người đặt cược bên chắn và thua tiền những người đặt tiền bên lẻ. Theo thỏa thuận, ở giữa chiếu bạc có một chỗ trống, H xóc quân vị xong sẽ đặt đĩa sành vào chỗ trống, người chơi không đặt tiền vào chỗ trống này. Người đánh bạc đặt cược chắn đặt tiền từ vị trí đặt đĩa sành trở vào vị trí H ngồi, ngược lại người đánh bạc đặt cược lẻ đặt tiền từ vị trí đặt đĩa sành trở ra. Người đánh bạc ung ván nào thì đặt ván đó, không bắt buộc phải chơi liên tục các ván.

Đinh Công H sau khi chuẩn bị chiếu bạc, công cụ xóc đĩa xong, khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, H lấy ra số tiền 3.000.000 đồng để làm cái. H xóc khoảng 30 ván, thắng được khoảng 5.000.000 đồng. Lúc H xóc đĩa xong đang đợi người chơi đặt cược thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang, thu giữ của H số tiền 340.000 đồng. Trong quá trình H làm cái, xác định được những người tham gia đánh bạc như sau:

- Vũ Ngọc P mang theo số tiền 1.370.000 đồng để sử dụng đánh bạc, P đặt cược 07 ván, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng, kết quả có thắng, có thua. Trong đó, 05 ván đầu P đứng tại chiếu bạc, P đặt cược mỗi ván từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng, sau đó do mỗi chân nên P đến ngồi trên võng sát phía sau lưng Vũ Anh G (G ngồi kế bên H) để tiếp tục đánh bạc, tại vị trí này P đặt cược 02 ván bên lẻ, mỗi ván 500.000 đồng. Kết quả P thắng được 300.000 đồng, trong lúc P theo dõi, nghiên cứu kết quả các ván để tính toán cho ván cược tiếp theo thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ của P số tiền 1.670.000 đồng.

- Lương Văn D mang theo trong người số tiền 16.480.000 đồng, D lấy ra 1.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc, D chơi 05 ván, mỗi ván cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả có thắng, có thua; ván thứ 5 khi đang đặt cược bên chắn số tiền 100.000 đồng thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ trong người của D số tiền 15.480.000 đồng.

- Nguyễn Văn N mang theo trong người số tiền 8.250.000 đồng, N lấy ra 600.000 đồng để sử dụng đánh bạc, N chơi 02 ván, mỗi ván đặt cược 200.000 đồng, kết quả N thua 02 ván, N đang cầm trên tay 200.000 đồng để tiếp tục đánh

bạc thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ trong người của N số tiền 7.650.000 đồng và trên tay của N 200.000 đồng.

- Nguyễn Tuấn V mang theo trong người số tiền 1.080.000 đồng, V lấy ra 500.000 đồng để sử dụng đánh bạc. V chơi khoảng 06 ván, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thua hết 400.000 đồng; ván thứ 6 khi V đang đặt cược 100.000 đồng bên chẵn thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ trong người của V số tiền 580.000 đồng.

- Nguyễn Ngọc N mang theo trong người số tiền 300.000 đồng để sử dụng đánh bạc, N đặt cược 04 ván, mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, kết quả N thắng 100.000 đồng; ván thứ 4 khi đang đặt cược bên lẻ số tiền 100.000 đồng thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ trong người của N số tiền 190.000 đồng.

- Nguyễn Đình T mang theo trong người số tiền 5.000.000 đồng, T lấy ra 200.000 đồng để sử dụng đánh bạc. T chơi 02 ván, ván thứ nhất T đặt cược 100.000 đồng, kết quả T thua; ván thứ hai T đang đặt cược 100.000 đồng bên lẻ thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ trong người của T số tiền 4.800.000 đồng

- Nguyễn Văn U mang theo và sử dụng số tiền 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc; U đặt cược khoảng 20 ván, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Kết quả U thua hết số tiền 1.000.000 đồng nên nghỉ và ngồi xem người khác tham gia đánh bạc.

- Nguyễn Văn N mang theo và sử dụng số tiền 800.000 đồng tham gia đánh bạc; N đặt cược khoảng 10 ván, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Kết quả N thua hết số tiền 800.000 đồng nên nghỉ và ngồi xem người khác tham gia đánh bạc.

- Vũ Anh G mang theo và sử dụng số tiền 700.000 đồng tham gia đánh bạc; G đặt cược khoảng 10 ván, mỗi ván đặt cược 100.000 đồng. Kết quả G thua hết số tiền 700.000 đồng nên nghỉ và ngồi xem người khác tham gia đánh bạc.

- Trần Thanh I mang theo trong người số tiền 460.000 đồng, I lấy ra 400.000 đồng để sử dụng đánh bạc; I đặt cược khoảng 12 ván, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Kết quả I thua hết 400.000 đồng nên nghỉ và ngồi xem người khác tham gia đánh bạc. Cơ quan điều tra tạm giữ trong người của I số tiền 60.000 đồng.

- Trần Hữu G mang theo và sử dụng số tiền 300.000 đồng tham gia đánh bạc; G đặt cược 03 ván, mỗi ván 100.000 đồng, kết quả G thua hết số tiền 300.000 đồng nên nghỉ và ngồi xem người khác tham gia đánh bạc.

- Nguyễn Văn N mang theo và sử dụng số tiền 200.000 đồng tham gia đánh bạc; N đặt cược 01 ván 200.000 đồng và thua hết tiền nên nghỉ và ngồi xem người khác tham gia đánh bạc.

- Bùi Duy T mang theo trong người số tiền 1.050.000 đồng, T lấy ra 50.000 đồng để sử dụng đánh bạc. T đặt cược 01 ván và thua 50.000 đồng nên nghỉ không tham gia đánh bạc nữa, T đứng xem người khác đánh bạc một lúc rồi đến vòng gần chiếu bạc nằm nghỉ. Cơ quan điều tra thu giữ trong người của T số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với số tiền 25.700.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, Cơ quan điều tra chứng minh được trong tổng số tiền này gồm có: 7.660.000 đồng là tiền đánh bạc

của Đinh Công H và 110.000 đồng của Nguyễn Ngọc N; còn lại 17.930.000 đồng thì không xác định được người chơi đánh bạc nào bỏ chạy để lại. Tuy nhiên, các bị cáo đều khẳng định số tiền thu giữ tại chiếu bạc 25.700.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc của những người chơi đánh bạc. Do đó, có căn cứ xác định số tiền các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình V dùng vào việc đánh bạc là tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc lúc quả tang (25.700.000 đồng) cộng với số tiền thu giữ trên người của những người tham gia đánh bạc dùng vào việc đánh bạc lúc bị bắt quả tang, gồm 1.670.000 đồng thu trên người Vũ Ngọc P, 340.000 đồng thu trên người Đinh Công H, 200.000 đồng thu trên người Nguyễn Văn N, 190.000 đồng thu trên người Nguyễn Ngọc M. Như vậy số tiền đánh bạc mà các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T là 28.100.000 đồng.

Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn N, Vũ Anh G, Trần Thanh I, Trần Hữu G, Nguyễn Văn N, Bùi Duy T tham gia đánh bạc nhưng đã nghỉ trước thời điểm Cơ quan điều tra bắt quả tang. Cơ quan điều tra không chứng minh được những người tham gia đánh bạc cùng với U, N, Anh D, I, Hữu D, T, U là ai và không chứng minh được tổng số tiền đánh bạc tại thời điểm U, N, Anh D, I, Hữu G, T, U tham gia đánh bạc là bao nhiêu. Do đó, số tiền dùng vào việc đánh bạc của U, N, Anh D, I, Hữu D, T, U chính là số tiền các đối tượng mang theo để tham gia đánh bạc là lần lượt là 1.000.000 đồng, 800.000 đồng, 700.000 đồng, 400.000 đồng, 300.000 đồng, 200.000 đồng và 50.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: do những vật chứng sau đây không liên quan đến hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu: Trả cho Trần Hữu D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, có gắn sim số 0979.098.242; Trả cho Nguyễn Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có gắn sim số 0948.892.299; Trả cho Nguyễn Văn U: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, có gắn sim số 0936.821.623; Trả cho Vũ Anh G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0986.816.082; Trả cho Bùi Duy T: số tiền 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0363.144.755; Trả cho Nguyễn Hữu N: số tiền 4.600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, có gắn sim số 0865.213.511; Trả cho Đào Duy K: số tiền 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0981.512.444; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng; Trả cho Trần Thanh I: số tiền 60.000 đồng; Trả cho Đinh Công H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen có gắn sim số 0963.567.488 và 0815.427.550; Trả cho Vũ Ngọc P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0963.401.856 và 0398.731.263; Trả cho Lương Văn D: số tiền 15.480.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0968.212359; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, có gắn sim số 0963.716.268; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; Trả cho Nguyễn Văn N: số tiền 7.650.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xanh, có gắn sim số 0986.981.175; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu vàng, không có sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen, có gắn sim số 0376.781.217 và 0972.347.421; 02 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 61S2-7963; Trả cho Nguyễn Tuấn V: số tiền 580.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0971.463.338; Trả cho Nguyễn Ngọc M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung,

vỏ màu vàng, có gắn sim số 0983.016.044; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, có gắn sim số 0968.419.788; Trả cho Nguyễn Đình T: số tiền 4.800.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0913.133.387; Trả cho ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1969, ĐKTT : ấp L, xã S, huyện G, tỉnh B: 01 xe mô tô biển kiểm soát 62H4-0570.

Đối với 01 xe mô tô kiểu Wave gắn biển kiểm soát 30F5-5302: hiện chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm đã chuyển xe mô tô trên đến Đội Cảnh sát giao thông - trật tự Công an huyện Giồng Trôm để xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản Cáo trạng số: 36/CT-VKSGT, ngày 25/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T phạm “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T phạm “Tội đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: phạt bị cáo Đinh Công H từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng. Hình phạt bổ sung: phạt bị cáo Đinh Công H số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: phạt bị cáo Vũ Ngọc P số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: phạt bị cáo Lương Văn D số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: phạt bị cáo Nguyễn Văn N số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: phạt bị cáo Nguyễn Tuấn V số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015,



được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính: phạt bị cáo Nguyễn Đình T số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: không.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Đối với số tiền 28.100.000 đồng (gồm: 25.700.000 đồng tạm giữ trên chiếu bạc; 1.670.000 đồng tạm giữ của Vũ Ngọc P; 340.000 đồng tạm giữ của Đinh Công H; 200.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Văn N; 190.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Ngọc M), là số tiền các bị cáo và các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc trái phép nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 manh chiếu; 01 chén bằng sành; 01 đĩa bằng sành; 04 quân vị hình tròn; 01 cái kéo là các công cụ phục vụ việc đánh bạc nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, tất cả những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra những người làm chứng này đã có lời khai rõ ràng nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng nói trên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: tại phiên tòa các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết có liên quan đến vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng được tạm giữ, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/02/2022 bị cáo Đinh Công H đến bãi đỗ xe của ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1966 thuộc ấp L, xã S, huyện G, tỉnh B để chuẩn bị công cụ đánh bạc cũng như rử rê, lôi kéo người khác cùng tham gia đánh bạc trái phép do bị cáo H đứng ra làm cái xóc đĩa được thua bằng tiền. Các bị cáo H, D, T, M, V, P, N cùng các đối tượng Bùi Duy T, Nguyễn Văn U, Trần Văn I,

Nguyễn Văn N, Trần Hữu G, Vũ Anh G, Nguyễn Văn T đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Trong đó, bị cáo Đinh Công H sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Ngọc M sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Đình T sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo Lương Văn D sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Tuấn V sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo Vũ Ngọc P sử dụng 1.370.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 23/02/2022, trong lúc bị cáo H đang làm cái xóc đĩa còn các bị cáo còn lại đang đặt cược thì bị Tổ công tác Công an huyện Giồng Trôm phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc số tiền 25.700.000 đồng, thu giữ trên người của Đinh Công H số tiền 340.000 đồng, thu giữ trên người của Vũ Ngọc P số tiền 1.670.000 đồng; thu giữ trên người của Nguyễn Văn N số tiền 200.000 đồng; thu giữ trên người của Nguyễn Ngọc M số tiền 190.000 đồng; một cái chén sành, một cái đĩa bằng sành, bốn quân vị hình tròn được làm bằng lá bầy tây, một chiếc chiếu và một cái kéo. Số tiền thu giữ trên người của H, P, N, M thì các bị cáo thừa nhận số tiền nói trên sử dụng vào việc đánh bạc. Do đó, số tiền chung các bị cáo H, D, T, M, V, P, N sử dụng vào việc đánh bạc là 28.100.000 đồng. Từ những căn cứ nói trên có đủ cơ sở để khẳng định rằng hành vi của các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm truy tố các bị cáo với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có đủ cơ sở nên được chấp nhận.

Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do muốn thu lợi bất chính và nhất là xem thường pháp luật. Bởi lẽ hành vi “Đánh bạc” là một trong những tệ nạn xã hội cần phải bài trừ, vì đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn khác, là nguyên nhân làm ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình. Các bị cáo H, D, T, M, V, P, N có chung mục đích tham gia đánh bạc để thu lợi bất chính nên các bị cáo được xem là đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo biết việc đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Đinh Công H giữ vai trò chính, là người trực tiếp chuẩn bị các công cụ cho việc đánh bạc cũng là người trực tiếp làm cái xóc đĩa để kêu gọi, thu hút người khác cùng tham gia đánh bạc nên hành vi của bị cáo là nặng hơn so với bị cáo còn lại. Còn các bị cáo Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T cùng tham gia đặt cược do bị cáo H làm cái, số tiền dùng vào việc đánh bạc của từng bị cáo chênh lệch không lớn nên về tính chất mức độ và hành vi của các bị cáo là tương đồng nhau. Qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử cân nhắc để xem xét đưa ra mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo sau khi căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn N, Vũ Anh G, Trần Thanh I, Trần Hữu G, Nguyễn Văn N và Bùi Duy T tham gia đánh bạc do bị cáo H làm cái nhưng đã nghỉ trước khi bị bắt quả tang. Tiền dùng vào việc đánh bạc của U, T, Anh D, I, Hữu D, Tuấn và Tuyền dưới 5.000.000 đồng và các đối tượng này không có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc hoặc tổ chức đánh nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với U, N, Anh D, I, Hữu D, T và U về tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với U, N, Anh D, I, Hữu D, T và U là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Hữu T, Đào Duy K có mặt tại hiện trường lúc Cơ quan điều tra bắt quả tang; quá trình điều tra Tuấn, Kiên khai không tham gia đánh bạc. Cơ quan điều tra không có chứng cứ nào khác để chứng minh T, K tham gia đánh bạc nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Hữu T, Đào Duy K về tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Tuấn và K cũng không vi phạm pháp luật hành chính nên không bị xử lý.

Các bị cáo sử dụng khu vực nghỉ ngơi tại bãi đỗ xe của ông Huỳnh Thanh H làm nơi đánh bạc: tại thời điểm này ông H và vợ tên Phùng Thị T không có mặt tại bãi đỗ xe; ông H, bà T không biết, không hứa hẹn gì đối với các bị cáo về việc đánh bạc xảy ra tại địa điểm này. Ông H, bà T không có thu bất cứ khoản lợi nào từ việc các bị cáo đánh bạc tại bãi đỗ xe của mình nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Huỳnh Thanh H, bà Phùng Thị T về tội “Tổ chức đánh bạc” hoặc đồng phạm tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 322, 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân của các bị cáo: vào thời điểm phạm tội, các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T không có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngoài tình tiết định tội các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra các bị cáo phạm tội đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H có ông là Đinh Công C là Liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hiện đang nuôi con nhỏ; bị cáo V hiện đang nuôi con nhỏ; bị cáo M có bác ruột là Liệt sĩ Nguyễn Văn D; bị cáo T có cha ruột Nguyễn Đình S là Thương binh Hạng 4/4 và được hưởng trợ cấp đối với người bị nhiễm chất độc hóa học; bị cáo D có cha ruột Lương Xuân L được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất và được hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có bà ngoại Vũ Thị T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, có ông ngoại Lê Văn P được Nhà nước tặng Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày, hiện bị can đang nuôi con nhỏ; bị cáo P có cha ruột là Vũ Bá K được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba, có mẹ ruột là Nguyễn Thị M được Nhà

nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất, hiện đang nuôi con nhỏ nên các bị cáo H, V, N, T, D, P còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

[7] Về tính chất, mức độ của vụ án: căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là không lớn. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định, các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, mặt khác các bị cáo đã bị tạm giam, trong thời gian này xem như là hình thức dè dặt đe dọa đối với các bị cáo nên hiện tại không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Riêng đối với bị cáo Hưng cần thiết phải áp dụng hình phạt chính là phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, hình phạt bổ sung là phạt tiền; còn các bị cáo Duẩn, T, M, V, P, N chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ sức răn đe và cảm hóa, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Trần Hữu G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, có gắn sim số 0979.098.242; Trả cho Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có gắn sim số 0948.892.299; Trả cho Nguyễn Văn U: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, có gắn sim số 0936.821.623; Trả cho Vũ Anh D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0986.816.082; Trả cho Bùi Duy T: số tiền 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0363.144.755; Trả cho Nguyễn Hữu N: số tiền 4.600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, có gắn sim số 0865.213.511; Trả cho Đào Duy K: số tiền 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, có gắn sim số 0981.512.444; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng; Trả cho Trần Thanh I: số tiền 60.000 đồng; Trả cho Đinh Công H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen có gắn sim số 0963.567.488 và 0815.427.550; Trả cho Vũ Ngọc P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0963.401.856 và 0398.731.263; Trả cho Lương Văn D: số tiền 15.480.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0968.212359; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, có gắn sim số 0963.716.268; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; Trả cho Nguyễn Văn N: số tiền 7.650.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 61S2-7963; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xanh, có gắn sim số 0986.981.175; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu vàng, không có sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen, có gắn sim số 0376.781.217 và 0972.347.421; 02 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 61S2-7963; Trả cho Nguyễn Tuấn V: số tiền 580.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0971.463.338; Trả cho Nguyễn Ngọc M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu vàng, có gắn sim số 0983.016.044; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, có gắn sim số 0968.419.788; Trả cho Nguyễn Đình T: số tiền 4.800.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, có gắn sim số 0913.133.387; Trả cho ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1969, ĐKTT : ấp L, xã S, huyện G, tỉnh B: 01 xe mô tô biển kiểm soát 62H4-0570; Trả lại cho ông Huỳnh Văn N 01 xe mô tô biển kiểm soát 62H4-0570. Do các tài sản nói trên của không liên quan đến hành vi đánh bạc xảy ra ngày 22 và 23/02/2022 của các đối tượng tham gia đánh bạc và những người có liên quan cũng như không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo là phù hợp.

Đối với số tiền 28.100.000 đồng (gồm: 25.700.000 đồng tạm giữ trên chiếu bạc; 1.670.000 đồng tạm giữ của Vũ Ngọc P; 340.000 đồng tạm giữ của Đinh Công Hưng; 200.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Văn N; 190.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Ngọc M), là số tiền thu tại chiếu bạc và trên người của các bị cáo là tiền dùng vào việc đánh bạc trái phép nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ mỗi bị cáo số tiền 30.000.000 đồng là tiền các bị cáo nộp tiền đảm bảo, để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Đối với 01 manh chiếu; 01 chén bằng sành; 01 đĩa bằng sành; 04 quân vị hình tròn; 01 cái kéo là các công cụ phục vụ việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T phạm: “Tội đánh bạc”.

1/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Đinh Công H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 09/9/2022.

Hình phạt bổ sung:

Phạt: Đinh Công H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

Giao bị cáo Đinh Công H cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh T kết hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Việc giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc đối với người được hưởng án treo thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Vũ Ngọc P số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Hình phạt bổ sung: không.

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Lương Văn D số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Hình phạt bổ sung: không.

4/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Nguyễn Văn N số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Hình phạt bổ sung: không.

5/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Nguyễn Tuấn V số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Hình phạt bổ sung: không.

6/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Nguyễn Ngọc M số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Hình phạt bổ sung: không.

7/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Nguyễn Đình T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Hình phạt bổ sung: không.

[2] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 28.100.000 (hai mươi tám triệu một trăm nghìn) đồng. (Trong đó có số tiền 25.700.000 đồng tạm giữ trên chiếu bạc; số tiền 1.670.000 đồng tạm giữ của Vũ Ngọc P; số tiền 340.000 đồng tạm giữ của Đinh Công H; số tiền 200.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Văn N; số tiền 190.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Ngọc M). Căn cứ vào các Lệnh thanh toán ngày 06/4/2022 và ngày 24/6/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 7107203000017.

Tịch thu tiêu hủy: 01 manh chiếu; 01 chén bằng sành; 01 đĩa bằng sành; 04 quân vị hình tròn; 01 cái kéo. (Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày

*18/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm).*

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Đinh Công H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo đặt tiền đảm bảo theo Quyết định số 293/TB-ĐCSHS ngày 08/4/2022. Căn cứ vào Lệnh thanh toán ngày 08/4/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 7107203000017, để đảm bảo Thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Lương Văn D số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo đặt tiền đảm bảo theo Quyết định số 231/TB-ĐCSHS ngày 29/3/2022. Căn cứ vào Lệnh thanh toán ngày 29/3/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 7107203000017, để đảm bảo Thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn V số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo đặt tiền đảm bảo theo Quyết định số 297/TB-ĐCSHS ngày 08/4/2022. Căn cứ vào Lệnh thanh toán ngày 08/4/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 7107203000017, để đảm bảo Thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc M số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo đặt tiền đảm bảo theo Quyết định số 295/TB-ĐCSHS ngày 08/4/2022. Căn cứ vào Lệnh thanh toán ngày 08/4/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 7107203000017, để đảm bảo Thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo đặt tiền đảm bảo theo Quyết định số 294/TB-ĐCSHS ngày 08/4/2022. Căn cứ vào Lệnh thanh toán ngày 08/4/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 7107203000017, để đảm bảo Thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Vũ Ngọc Hiệp số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo đặt tiền đảm bảo theo Quyết định số 296/TB-ĐCSHS ngày 08/4/2022. Căn cứ vào Lệnh thanh toán ngày 08/4/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 7107203000017, để đảm bảo Thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo đặt tiền đảm bảo. Căn cứ vào giấy nộp tiền ngày 14/4/2022 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 3949.0.9042086, để đảm bảo Thi hành án.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Công H, Vũ Ngọc P, Lương Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm (2b);
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã A, huyện Q, tỉnh T (1b);
- Các bị cáo (7b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Minh Tâm**